

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BUƯ ĐIỆN**

Tên giao dịch: **POSTEF**

MCK: **POT**

Địa chỉ: số 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội.

Điện thoại: 04.8455946

Fax: 04.8234128

Website: www.postef.com

E-mail: www.postef@hn.vnn.vn

Năm báo cáo: 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xưởng Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/3/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/9/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), và chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008116 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 14/9/2007..

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, tin học;
- Kinh doanh trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây lắp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh dịch vụ: xây lắp bưu chính - viễn thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng khác;
- Cung cấp dịch vụ: xây lắp, tư vấn, kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê hoạt động; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Xây dựng kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê.

+ Tình hình hoạt động:

Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (Postef) chính thức hoạt động từ 01/7/2005, trải qua 03 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, doanh thu tăng qua từng năm 2005 (384 tỷ đồng), 2006 (603 tỷ đồng), 2007 (776 tỷ đồng) tình hình lao động ổn định, số lượng CBCNV công ty 620 người, thu nhập được đảm bảo ổn định trong từng giai đoạn, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay Ban lãnh đạo công ty đã có rất nhiều cố gắng để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập cho người lao động trong công ty. Postef có thị trường tiêu thụ ổn định với 90% tổng giá trị sản phẩm được tiêu thụ bởi các đơn vị trong Tập đoàn BCVTVN (VNPT). Ngoài ra sản phẩm của Công ty còn được tiêu thụ bởi Tổng công ty Viễn thông Quân đội (Viettel), Công ty Viễn thông Điện lực (EVN Telecom), Công ty cổ phần Viễn thông Sài Gòn (SPT) và một số công ty khác. Bên cạnh đó sản phẩm của Công ty còn được xuất khẩu sang các thị trường như: Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Aentina, Châu Phi...

Trong thị phần của VNPT: điện thoại cố định (20%), thiết bị nội đài (trên 30%), tủ hộp đầu nối (trên 50%), thiết bị bưu chính (trên 90%), nguồn viễn thông (trên 10%), sản phẩm nhựa (trên 20%) và các sản phẩm tin học máy tính, phục vụ bưu chính viễn thông (trên 5%)... Với 03 chi nhánh và 05 nhà máy đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Tỷ trọng doanh thu theo khu vực thị trường như sau: miền Bắc 38%, miền Trung 10%, miền Nam 47% và xuất khẩu 5%. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thể mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình công ty, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000. Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của nhà nước quy định. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra Postef luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Trung tâm nghiên cứu phát triển có đội ngũ cán bộ trên 20 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất từ 10 đến 15 sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2008 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch 2008 mà ĐHĐCĐ thường niên 2008 đã thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2008 và các năm tiếp theo, tập trung vào một số nội dung sau: cơ cấu lại bộ máy quản lý; đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong thời gian tới và các năm tiếp theo, Công ty sẽ giữ ổn định các sản phẩm truyền thống, không ngừng đầu tư mở rộng các thiết bị đầu cuối, thiết bị ngoại vi, nguồn BTS, thiết bị bưu chính và các sản phẩm công nghiệp khác. Ngoài ra Công ty sẽ phát triển dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng thiết bị, công tác chăm sóc khách hàng, phát triển các sản phẩm phù hợp với mạng thế hệ mới NGN, IP, Băng thông rộng, cáp quang và phụ kiện đầu nối quang... Phát triển sang các thị trường khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Trong năm 2007 vừa qua, nước ta đã gia nhập WTO, mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, thách thức và thuận lợi đan xen, tình hình giá cả vật tư đầu vào biến động mạnh làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành đã ban hành nhiều Quy chế, quy định như: Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, Quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Quy chế bảo mật... Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành đã đưa ra nhiều biện pháp ứng phó với tình hình thực tế, đã có những điều chỉnh kịp thời trong kế hoạch SXKD, có nhiều giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn khó khăn, đảm bảo cho hoạt động của công ty theo đúng định hướng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà nước và công ty. Công tác giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác được thực hiện thường xuyên, liên tục

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2007 làm một năm đầy biến động về giá cả vật tư đầu vào, lãi suất ngân hàng tăng cao làm tăng chi phí của công ty, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2007	Thực hiện Năm 2007	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	735.000	776.303	105,62
2	Lợi nhuận trước thuế	60.000	36.084	60,14
3	Tỷ lệ cổ tức	16%	16%	100 %

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Do tình hình giá cả vật tư đầu vào và các chi phí khác tăng cao, Công ty đã xác định lại các phương án sản phẩm trong đó không có phương án sản phẩm loại trừ, thị phần vẫn được giữ vững, đầu tư các dự án có trọng điểm phù hợp với thị trường mang lại hiệu quả cao, đề ra các chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tích cực đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2008 được dự đoán là năm biến động mạnh về giá cả vật tư đầu vào, các chi phí khác tăng cao làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng năm 2008 cũng sẽ đem lại nhiều cơ hội mới. Công ty sẽ đầu tư, nâng cấp, cơ cấu và hoàn thiện bộ máy quản lý, sản xuất phù hợp với tình hình mới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới, công tác chăm sóc khách hàng, công tác quảng bá và tiếp thị sản phẩm của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng xuất khẩu sang thị trường khu vực.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1) Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI năm 2007	SỐ CUỐI năm 2006
I	Tài sản ngắn hạn	397.215.955.443	436.734.376.472
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	40.730.632.176	63.471.533.062
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	163.648.290.761	206.649.400.719
4	Hàng tồn kho	186.665.792.676	160.752.458.760
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.171.239.830	5.860.983.931
II	Tài sản dài hạn	103.530.931.161	95.515.703.916
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	
2	Tài sản cố định	70.245.818.289	66.632.712.286
	- TSCĐ hữu hình	53.881.621.923	61.265.508.133
	- TSCĐ vô hình	1.346.662.504	1.346.662.504
	- TSCĐ thuê tài chính	5.353.693.957	1.750.667.752
	- Chi phí XDCB dở dang	9.663.839.905	2.269.873.897
3	Bất động sản đầu tư	0	
4	Các khoản đầu tư TC dài hạn	21.824.616.308	15.774.368.267
5	Tài sản dài hạn khác	11.460.496.564	13.108.623.363
III	Tổng cộng tài sản	500.746.886.604	532.250.080.388
IV	Nợ phải trả	199.382.916.867	311.393.365.346
1	Nợ ngắn hạn	189.270.286.281	294.818.526.049
2	Nợ dài hạn	10.112.630.586	16.574.839.297
V	Vốn chủ sở hữu	301.363.969.737	220.856.715.042
I	Vốn chủ sở hữu	293.944.431.757	217.267.722.706
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	179.916.300.000	149.986.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	44.895.450.000	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu		617.880.279
	- Cổ phiếu quỹ	-27.295.000	-27.295.000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0
	- Các quỹ	35.735.340.718	14.871.051.851

	- Lợi nhuận chưa phân phối	33.424.636.039	51.820.085.576
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	7.419.537.980	3.588.992.336
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.405.537.980	3.588.992.336
	- Nguồn kinh phí	14.000.000	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500.746.886.604	532.250.080.388

2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	năm 2007	năm 2006
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.737.780.177	603.473.464.839
2	Các khoản giảm trừ	1.435.081.332	3.367.053.314
3	Doanh thu thuần về BH và CC DV	776.302.698.845	600.106.411.525
4	Giá vốn hàng bán	682.705.156.147	479.568.000.230
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	93.597.542.698	120.538.411.295
6	Doanh thu hoạt động đầu tư TC	2.925.684.120	731.767.442
7	Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	22.401.941.853	15.485.120.655
8	Chi phí bán hàng	17.373.891.856	34.918.375.075
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.830.774.294	18.740.447.501
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.916.618.815	52.126.235.506
11	Thu nhập khác	462.124.093	1.818.885.122
12	Chi phí khác	294.134.391	461.389.345
13	Lợi nhuận khác	167.989.702	1.357.495.777
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.084.608.517	53.483.731.283
15	Thuế TN DN phải nộp	4.978.429.050	0
16	Lợi nhuận sau thuế	31.106.179.467	53.483.731.283
	Số CP đầu năm	14.996.240	12.000.000

	Số CP cuối năm	17.989.270	14.996.240
	Số CP bình quân	15.370.369	13.498.120
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.024	3.962

3) Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2007	Năm 2006
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản		20,68	17,95
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản		79,32	82,05
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		39,82	58,51
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		60,18	41,49
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,112	0,936
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,10	1,48
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LN trước thuế/tổng tài sản		7,21	10,05
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần		4,01	8,91
	- Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn CSH		10,32	24,22

- Những thay đổi về vốn góp cổ đông: không có
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 17.991.630 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 17.989.270 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 2.360 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có

- Cổ tức: Năm 2007 Công ty trả 16%, trong đó 8% cổ tức trả bằng tiền mặt, 8% còn lại thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng.

IV. Báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập:

- + Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
- + Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã được phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.
- + Các nhận xét đặc biệt: không có.

2. Kiểm toán nội bộ:

- + Ý kiến kiểm toán nội bộ: không có.
- + Các nhận xét đặc biệt: không có.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của công ty: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Công ty có trên 50% vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Công ty Giải pháp công nghệ nguồn Postef – Dong Ah (Postef nắm giữ 51% vốn điều lệ).
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Postef góp 30% vốn điều lệ tại Công ty có liên quan: Công ty TNHH liên doanh sản xuất cáp đồng Lào - Việt.

VII. Tổ chức và nhân sự:

1) Cơ cấu tổ chức của công ty (gửi kèm theo Báo cáo thường niên)

2) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Họ và tên: Trần Công Biên

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27 tháng 7 năm 1949
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010145668
- Quê quán: Chí Minh - Phủ Cù - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 34 Quán sứ - Ba Đình – Hà nội

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 8455.946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 10/1965- 9/1969 : Nhân viên cơ điện, bí thư chi đoàn thanh niên Nhà máy thiết bị Bưu điện
 - o Từ 10/1969 – 5/1976 : Chuyên gia của Tổng cục Bưu điện sang giúp Lào xây dựng xưởng sửa chữa thông tin liên lạc của Mặt trận Lào yêu nước tại Sầm nưa.
 - o Từ 6/1976 – 11/1978 : Cán bộ quản lý thiết bị Ban cơ điện Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 12/1978 – 1/1984 : Trưởng ban cơ điện Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 2/1984 – 5/1985 : Trợ lý giám đốc, phụ trách về sản xuất của Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 6/1985 – 7/1988 : Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, uỷ viên BCH Đảng uỷ Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 8/1988 – 6/2005: Giám đốc nhà máy, Bí Thư Đảng bộ nhà máy. Thường vụ Quận uỷ Ba Đình 3 khoá liên tục (1986 – 1996) Uỷ viên BCH Đảng bộ Tổng Công ty BCVT Việt nam từ năm 1998, uỷ viên BCH công đoàn Bưu điện Việt nam.
 - o Từ 7/2005 đến nay: Chủ tịch hội đồng quản trị – Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.083.532
 - Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.060.000
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 23.532

3) Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm: Không.

4) Quyền lợi của Tổng giám đốc:

Được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

5) Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng người lao động và cơ cấu: Tại thời điểm 31/12/2007 tổng số lao động có mặt tại Công ty là 628 người với cơ cấu như sau:

Bảng: Cơ cấu lao động Công ty

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	3	0,48%
Đại học	139	22,13%
Cao đẳng	38	6,05%
Trung cấp	108	17,20%
CNKT	340	54,14%
Tổng số	628	100,00%

+ Chính sách đối với người lao động:

* Chế độ làm việc: Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể .

* Chính sách đào tạo: Là một Công ty có truyền thống trên 50 năm trong Ngành Bưu điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

* Chính sách tuyển dụng: Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty. Trước và sau khi cổ phần hoá (01/7/2005), Công ty đã tuyển dụng được trên 20 kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp các trường đại học bổ sung cho nguồn nhân lực của Công ty.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi : Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2007, mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp phải một số khó khăn, Công ty vẫn thực hiện duy trì thu nhập bình quân người lao động đạt 3,4 triệu đồng/người/tháng.

- Thay đổi thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Không.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị công ty:

1. Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT:

1. Họ và tên: Trần Công Biên

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27 tháng 7 năm 1949
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010145668
- Quê quán: Chí Minh - Phủ Cù - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 34 Quán sứ - Ba Đình – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 8455.946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 10/1965- 9/1969 : Nhân viên cơ điện, bí thư chi đoàn thanh niên Nhà máy thiết bị Bưu điện
 - o Từ 10/1969 – 5/1976 : Chuyên gia của Tổng cục Bưu điện sang giúp Lào xây dựng xưởng sửa chữa thông tin liên lạc của Mặt trận Lào yêu nước tại Sầm nưa.
 - o Từ 6/1976 – 11/1978 : Cán bộ quản lý thiết bị Ban cơ điện Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 12/1978 – 1/1984 : Trưởng ban cơ điện Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 2/1984 – 5/1985 : Trợ lý giám đốc, phụ trách về sản xuất của Nhà máy thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 6/1985 – 7/1988 : Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, uỷ viên BCH Đảng uỷ Nhà máy thiết bị Bưu điện.

- Từ 8/1988 – 6/2005: Giám đốc nhà máy, Bí Thư Đảng bộ nhà máy. Thường vụ Quận uỷ Ba Đình 3 khoá liên tục (1986 – 1996) Ủy viên BCH Đảng bộ Tổng Công ty BCVT Việt nam từ năm 1998, uỷ viên BCH công đoàn Bưu điện Việt nam.
 - Từ 7/2005 đến nay: Chủ tịch hội đồng quản trị – Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty
 - Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 3.083.532
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.060.000
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 23.532

2. Họ và tên: Trần Hải Vân

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/ 04/ 1970
 - Nơi sinh: Ba Đình - Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 011788987
 - Quê quán: Huyện Mỹ Văn - Tỉnh Hưng Yên
 - Địa chỉ thường trú: 104 Phó đức Chính – Ba đình – Hà nội
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903415885
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD – Kỹ sư kinh tế – Cử nhân Luật
 - Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ 10/1988 – 1/1993: Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội
 - Từ 02/1993 – 4/1994: Nhân viên phòng Marketing nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - Từ 5/1994 – 1/1998: Nhân viên phòng ĐT & PT nhà máy Thiết bị Bưu điện. Bí thư Đoàn Thanh niên nhà máy.
 - Từ 2/1998 – 12/2000: Trưởng phòng Kinh doanh ĐT nhà máy Thiết bị Bưu điện. Bí thư Đoàn TN, uỷ viên BCH công đoàn nhà máy.
 - Từ 1/ 2001 – 5/2003: Trưởng phòng KDĐT & CNĐT nhà máy Thiết bị Bưu điện, uỷ viên BCH Đảng bộ-uỷ viên BCH công đoàn và bí thư Đoàn TN nhà máy.
 - Từ 6/2003 đến 6/2005: Phó Giám đốc nhà máy, uỷ viên BCH Đảng uỷ , uỷ viên BCH Công đoàn và Bí thư Đoàn TN nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - Từ 7/2005 đến nay: Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện – Giám đốc Công ty liên doanh PDE.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị bưu điện – Giám đốc Công ty liên doanh PDE.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 3.097.104
- Trong đó

+ Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.060.000

+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 37.104

3 Họ và tên: Bùi Hữu Quỳnh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/02/1951
- Nơi sinh: Ninh Giang - Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010450107
- Quê quán: Ninh Giang Hoa Lư Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 26 B tổ 22 A Phương Liên - Đống Đa – Hà nội .
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 8455.946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 7/1968 – 3/1972: Nhập ngũ chiến đấu tại chiến trường B2
 - o Từ 4/1972 – 10/1974: Thương binh điều trị tại Viện 5 Ninh Bình và học trường Văn hoá Quân khu 3
 - o Từ 11/1974 – 11/1979: Sinh viên khoa Toán, trường ĐH kinh tế quốc dân Hà Nội.
 - o Từ 12/1979 – 10/1983: Kỹ sư kinh tế, phòng KTTK nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 11/1983 – 7/1988: Phó phòng KTTK nhà máy Thiết bị Bưu điện. Ủy viên BCH Đảng uỷ nhà máy.
 - o Từ 8/1988 – 5/1992: Trưởng phòng KTTK nhà máy Thiết bị Bưu điện, uỷ viên BCH Đảng bộ nhà máy.
 - o Từ 1992 đến 6/2005: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng KTTK, uỷ viên BCH Đảng uỷ , uỷ viên BCH Công đoàn nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 đến nay : uỷ viên Hội đồng quản trị – Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng KTTC Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay: uỷ viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.090.740

Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.060.000

+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 30.740

4. Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/ 11/ 1962
- Nơi sinh: Thị Cầu, Thị xã Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 011009328

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phúc Sơn - Thị xã Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 67/3A Đinh Tiên Hoàng – P3 – Q.bình Thạnh – TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.8299466
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o 9/1980 – 12/1984: Sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
 - o 02/1985 – 3/1993: Nhân viên phòng Kế hoạch và phòng Marketing nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o 4/1993 – 11/1996: Trưởng cửa hàng giới thiệu sản phẩm nhà máy Thiết bị Bưu điện tại thành phố Hồ Chí Minh.
 - o 12/1996 – 5/2003: Trưởng Chi nhánh miền Nam nhà máy Thiết bị Bưu điện tại thành phố Hồ Chí Minh. Ủy viên BCH Đảng uỷ nhà máy.
 - o 6/2003 – 6/2005: Phó Giám đốc nhà máy kiêm Trưởng chi nhánh miền Nam, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 7/2005 đến nay : uỷ viên Hội đồng quản trị – Giám đốc chi nhánh Miền nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy Viên Hội đồng Quản trị - Giám đốc chi nhánh Miền Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 43.884

5. Họ và tên: Lê Xuân Hải

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/08/1959
- Nơi sinh: Tô Hiệu - Thường Tín – Hà tây
- Quốc tịch: Việt nam
- Số CMND: 010410993
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tô Hiệu - Thường Tín – Hà tây .
- Địa chỉ thường trú: Tập thể 32 Đội Cán – Ba Đình – Hà Nội .
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.8584563
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 9/1977 – 12/1982: Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội
 - o Từ 12/1984 – 2/1994: Cán bộ tổ chức P.TCLĐTL nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 3/1994 – 9/1995: Trưởng ban QLTH- Trưởng phòng KHKD cơ sở 2 nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 10/1995 – 12/2001: Trưởng chi nhánh miền Trung nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1/2002 – 6/2005: Phụ trách Cơ sở 2 nhà máy Thiết bị Bưu điện, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy

- Từ 7/2005 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Nhà máy 2.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc nhà máy 2
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 18.240

6. Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/ 01/ 1961
- Nơi sinh: Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010159421
- Quê quán: Ước Lễ Thanh Oai Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 34/5 số 259 Phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.8455968
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ 10/1978 – 12/1983: Sinh viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - Từ 01/1984 – 12/1989: Nhân viên phòng Kế toán thống kê nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - Từ 1/1990 – 4/1995: Tổ trưởng kế toán, phòng Kế toán thống kê nhà máy Thiết bị Bưu điện. Đảng viên Đảng CSVN.
 - Từ 5/1995 – 12/1998: Phó phòng rồi Trưởng phòng Đầu tư & phát triển nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - Từ 1/ 1999 – 5/1999: Trưởng phòng Đầu tư & phát triển nhà máy Thiết bị Bưu điện, Đảng uỷ viên Đảng bộ nhà máy.
 - Từ 6/1999 – 6/2005: Phó Giám đốc nhà máy, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện, uỷ viên BCH Công đoàn nhà máy.
 - Từ 7/2005 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Nhà máy 1.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc nhà máy 1
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 25.240

7.Họ và tên: Vương Xuân Hoà

- Giới tính:Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/ 02/ 1955
- Nơi sinh: Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010442407

- Quê quán: Thanh Văn – Thanh Chương – Nghệ An.
 - Địa chỉ thường trú: 86 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm - Hà Nội.
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.8455980
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 09/1973 – 5/1976: Nhập ngũ chiến đấu tại chiến trường B (d5 e20 QK9)
 - o Từ 09/1976 – 12/1980: Sinh viên trường Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội
 - o Từ 1/1981 – 10/1987: Nhân viên phòng Kế hoạch nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 11/1987 – 6/1992: Phó phòng Kế hoạch nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/ 1992 – 6/1994: Trưởng Cửa hàng giới thiệu SP nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/1994 - 6/2005 : Trưởng chi nhánh miền Bắc- Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- Từ 7/2005 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc chi nhánh miền Bắc.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ 27.120

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:

1. Họ và tên: Ma Thị Nghiệm

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1970
- Nơi sinh: Ba Bể- Bắc Cạn
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Tày
- Số CMND: 012313075
- Quê quán: Tiểu khu 9 thị trấn Ba bể - Bắc cạn
- Địa chỉ thường trú: P 213-A11 Khu tập thể Nghĩa Tân - Phường Nghĩa Tân Quận Cầu Giấy – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.8455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 9/1988 – 10/1992: Sinh viên chuyên ngành Kế toán trường ĐH Tài chính kế toán Hà Nội.
 - o Từ 3/1994 – 6/1998: Chuyên viên Kế toán tổng hợp tại cơ sở 2 nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 7/1998 - 6/2005: Chuyên viên Kế toán phòng Kế toán thống kê nhà máy Thiết bị Bưu điện. Được kết nạp vào Đảng CS Việt nam.
 - o Từ 7/2005 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 18.144

2. Họ và tên: Hoàng Liên Châu

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/07/1951
- Nơi sinh: Thành phố Vinh - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010158130
- Quê quán: Quảng Đức - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: Số 1 ngõ 231 phố Chùa Bộc - Đống Đa – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0511. 643377
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử - Viễn Thông
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 11/1970 – 9/1977: Tổ trưởng SX, uỷ viên BCH Đoàn TN nhà máy TBBĐ
 - o Từ 10/1977 – 2/1983: Tổ trưởng SX, b trưởng tự vệ nhà máy, học hàm thụ Đại học tại trường ĐH thông tin liên lạc khoá 1977-1982
 - o Từ 3/1983 – 5/1992: Nhân viên rồi trưởng phòng Kế hoạch, Thư ký công đoàn Phòng Kế hoạch nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 6/1992 – 5/1995: Phó phòng KH Tài chính, Trưởng phòng TCD ĐLĐTL, bí thư chi bộ cơ sở nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 6/ 1995 – 1999: Phụ trách cơ sở 2, Trưởng phòng Tổ chức, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện. Học cao cấp chính trị tại Học viện chính trị Hồ chí Minh
 - o Từ 1999 – 12/2001: Trưởng phòng Xuất khẩu, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1/2002- 6/2005: Trưởng chi nhánh miền trung, uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 đến nay : Uỷ viên Ban kiểm soát – Giám đốc chi nhánh miền Trung.

- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên Ban kiểm soát - Giám đốc chi nhánh miền trung
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 36.168

3. Họ và tên: Võ Mạnh Hùng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/ 06/ 1948
- Nơi sinh: Đức Châu Đức thọ Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010158178
- Quê quán: Đức Châu, Đức thọ, Hà Tĩnh.

- Địa chỉ thường trú: 12B Hoàng Hoa Thám – Ba Đình – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.8455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Công nhân kỹ thuật Nguội cơ khí
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 10/1965 – 4/1970: Công nhân nguội cơ khí nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 05/1970 – 12/1976: Nhập ngũ chiến đấu tại chiến trường Đông Nam bộ
 - o Từ 1/1977 – 12/1987: Tổ trưởng sản xuất, b trưởng tự vệ, bí thư chi bộ cơ sở của nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1/1988 – 5/1991: Đi lao động hợp tác tại CHDC Đức cũ. Bí thư chi bộ
 - o Từ 8/1991 – 12/1993: Phó quản đốc rồi quyền QĐ phân xưởng nhà máy TBBĐ
 - o Từ 1/1994 – 8/2003: Quản đốc PX, uỷ viên BCH Đảng uỷ, Phó chủ tịch Công đoàn nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 9/2003 – 6/2005: Chủ tịch Công đoàn , uỷ viên BCH Đảng uỷ nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 đến nay : Uỷ viên Ban kiểm soát – Chủ tịch công đoàn Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên Ban kiểm soát - Chủ tịch công đoàn Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 14.412

3. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2007 vừa qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và lấy ý kiến bằng văn bản tổng số 07 Nghị quyết được ban hành, tập trung vào một số nội dung sau:

+ Định hướng chiến lược phát triển của Công ty trong năm tài chính và các năm tiếp theo như: phương án đầu tư trung và dài hạn, các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007, thông qua các đề xuất của Tổng giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý.

+ Thông qua các quy chế quản lý nội bộ của Công ty như: Quy chế tài chính, quy chế tiền lương, quy chế bảo vệ bí mật,...

+ Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Thông qua phương án niêm yết cổ phiếu phát hành bổ sung trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để xin ý kiến cổ đông.

+ Phương án mua lại phần vốn nước ngoài tại liên doanh PDE.

+ Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính quý, năm.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2007 BKS đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2007.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) khi được mời dự.
- Xem xét các hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

- Xem xét các báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và khi kết thúc niên độ do Ban Tổng Giám đốc điều hành lập báo cáo.
- Xem xét các báo cáo của các tổ chức tư vấn niêm yết và tổ chức kiểm toán.
- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2007, BKS tổ chức các cuộc họp thông qua các nội dung báo cáo của BKS trước Đại hội cổ đông thường niên, thông qua kế hoạch triển khai công tác kiểm tra giám sát trong năm, các thành viên Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thường xuyên về các hoạt động của công ty và hỗ trợ nhau trong công việc. Ngoài việc giám sát thường xuyên, năm 2007 BKS thực hiện 2 đợt kiểm tra tại công ty và tại các chi nhánh, nhà máy.
- Để tham gia trong công tác quản trị công ty, các đợt kiểm tra, giám sát BKS đều có kết quả phân tích, đánh giá sơ bộ. Các ý kiến quan trọng của các thành viên Ban kiểm soát về tình hình quản lý, hoạt động của các đơn vị đều được lập bằng văn bản trực tiếp gửi đến Chủ tịch HĐQT, TGD công ty và Giám đốc các đơn vị trực thuộc. Những công việc phát sinh hàng ngày hoặc đột xuất liên quan đến vấn đề còn tồn tại trong quản lý và điều hành, Các thành viên BKS được trao đổi kịp thời với Chủ tịch HĐQT, TGD công ty và các các đơn vị liên quan.
- Thẩm định báo cáo tài chính công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động điều hành, giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc điều hành.
- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Tổng giám đốc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát tuân thủ chấp hành luật pháp, tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Công ty..

5. Thù lao HĐQT, BKS năm 2007:

TT	Thành phần	Số lượng (người)	Tổng thù lao 2007 ĐHĐCĐ Thông qua (VNĐ)	Mức thực chi 2007 (VNĐ)	Tỷ lệ % so với KH ĐHĐCĐ thông qua
1	HĐQT	7	324.000.000	319.500.000	98,61%
2	BKS	3	171.840.000	163.620.000	95,22%
	Tổng cộng	10	495.840.000	483.120.000	

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị: 7/7 thành viên;
- Tổng giám đốc: 1/1 thành viên;
- Ban kiểm soát: 3/3 thành viên.

7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT: Không có.

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của HĐQT, Ban giám đốc điều hành, BKS, cổ đông lớn và các giao dịch khác của Thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, BKS và những người có liên quan tới các đối tượng trên: Không có.

9. Các dữ liệu thống kê về cổ đông công ty (tại thời điểm chốt danh sách ngày 15/02/2008):

a) Cổ đông trong nước:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 17.244.650 cổ phần chiếm 95,86% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 4238
 - Tổ chức: 36
 - Cổ đông lớn: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nắm giữ 51% vốn điều lệ.

b) Cổ đông nước ngoài:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 744.620 cổ phần chiếm 4,14% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 30
 - Tổ chức: 02
 - Cổ đông lớn: không có

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- TTGDCKHN;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**

Trần Công Biên